TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HSST
Ngày 10/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên - Bí thư đoàn xã Q, huyện B, tỉnh H

2. Ông Giàng Văn Tiến - Phó Ban dân vận huyện B, tỉnh H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh H tham gia phiên tòa: Ông Ấu Bá Lãng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại hội trường tổ 12 thị trấn V, huyện B xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2017/HSST ngày 07/7/2017 đối với bị cáo:

Lý Văn T1, sinh ngày 13/4/1999 tại huyện B, tỉnh H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn X, xã V, huyện B, tỉnh H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Dao; con ông Lý Kim C, sinh năm 1969 và bà Đặng Thị Đ1, sinh năm 1969; vợ con; chưa có; anh, em ruột: có 04 chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình,

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. "Có mặt".

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

1. Anh Lý Kim C, sinh năm 1969. “Có mặt”

2. Chị Đặng Thị Đ1, sinh năm 1969 “ Vắng mặt, chị Đ1 ủy quyền cho chồng là anh Lý Kim C, theo văn bản ủy quyền ngày 07/12/2016”

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Sải Nhật T, Luật sư Văn phòng luật sư M thuộc Đoàn luật sư tỉnh H “Có mặt”

Người bị hại: Cháu Lừu Văn Q, sinh ngày 22/02/2000. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh H. "Có mặt"

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại:

1. Chị Hủng Thị V, sinh năm 1978. "Có mặt"

2. Anh Lừu Văn B, sinh năm 1977 "Có mặt"

Đều trú tại: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh H

Người bảo vệ Qền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Anh Lừu Văn M, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Q, tỉnh H. "Có mặt"

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vương Văn T2, sinh năm 1970. Địa chỉ; thôn X, xã V , huyện B, tỉnh H. "Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với nhau trước đó, nên khoảng 21 giờ ngày 04/9/2016 Hoàng Văn T3 rủ Phùng Văn H1 giúp đánh Lý Văn T1. Khoảng 30 phút sau, H1 đến cùng Lừu Văn Q, Lừu Văn T4, Phù Văn S, Tải Văn X. Sau khi gặp T3, Q sang xe của T3 và đi trước, còn S, X, H1 và T4 đi sau vào xã V tìm T1 để đánh.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T3 chở Q đi đến cổng nhà Vương Văn Đ2 tại thôn X, xã V thì nhìn thấy T1 đang đi phía trước, cách cổng nhà Đ2 khoảng 50m, T3 điều khiển xe chạy đuổi theo và ép xe T1 vào lề đường, T3 và Q xuống xe, sau đó cả hai lao vào dùng tay, chân đấm đá T1. Khi bị đánh, T1 vùng dậy và chạy về phía nhà Đ2 và đi vào phía bếp nhà Đ2 nhưng do cửa bếp khoá, lúc đó T1 nhìn thấy trên máy thái chuối bên cạnh cửa bếp có một con dao mũi bằng, dài 40cm cả chuôi nên T1 đã cầm lấy con dao quay lại vị trí vừa bị đánh. Khi T1 quay lại để hỏi T3 thì nhìn thấy Q đứng cạnh xe máy, cách chỗ T1 là 3,3m. T1 cầm dao đuổi Q, Q chạy được 33m thì T1 đuổi kịp, tay phải T1 cầm dao dơ lên chém nhiều nhát theo chiều hướng từ trên xuống dưới, vát chéo từ phải sang trái, trong đó có một nhát trúng vào phần lưng dưới bả vai bên phải của Q, một nhát trúng vào phần thắt lưng bên trái của Q. Q tiếp tục chạy được 9,7m T1 đuổi theo chém tiếp một phát vào khuỷ tay bên phải của Q. Sau đó được mọi người dân can ngăn lấy lại con dao thì T1 quay lại lấy xe và đi về nhà, còn Q được người dân đưa đến Bệnh viện đa khoa khu vực huyện B để điều trị vết thương.

Ngày 19/10/2016, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ thương tật đối với Lừu Văn Q.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số: 82/2016/TgT-PYHG, ngày 21/10/2016 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh H đối với thương tích;

Sẹo 1: Mặt sau khuỷu tay phải kích thước 7,5cm x 0,2 - 0,5cm, sẹo màu hồng, sẹo lồi, xơ cứng, ảnh hưởng đến thẩm mỹ.

Sẹo 2: Vùng lưng phải cách cột sống lưng D10,2cm, kích thước 4,3cm x 0,1-0,6cm, sẹo màu hồng, bằng mặt da.

Sẹo 3: Vùng thắt lưng trái ngang đốt sống L2, 1cm, kích thước 7cm x 0,2-0,6cm, màu hồng, sẹo lồi, xơ cứng, ảnh hưởng đến thẩm mỹ.

- Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể:

Nhóm sẹo ảnh hưởng đến thẩm mỹ: Sẹo 1 kích thước 7,5cm x 0,2 - 0,5cm, sẹo lồi, xơ cứng. Sẹo 3 kích thước 7cm x 0,2-0,6cm, sẹo lồi, xơ cứng là 8%.

Gẫy không hoàn toàn móm khuỷ phải: 6%.

Gẫy không hoàn toàn, không di lệch lồi cầu trong xương, cánh tay phải: 3%.

Sẹo 2 kích thước 4,3cm x 0,1-0,6cm, sẹo bằng mặt da: 1%.

Tại thời điểm giám định, tỷ lệ tổn thương cơ thể gây nên là 17% (Mười bảy phần trăm)

Kết luận khác: Hiện tại còn phương tiện kết hợp xương đầu trên xương trụ phải và phương tiện kết hợp xương mỏm khuỷu phải. Đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B trưng cầu giám định bổ sung sau khi xương đã can liền hoàn toàn và rút phương tiện kết xương.

Ngày 30/5/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung vết thương trên mặt khuỷu tay phải của Lừu Văn Q. Cùng ngày Lừu Văn Q có đơn từ chối giám định bổ sung với lý do vết thương đã khỏi.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS, ngày 06/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Lý Văn T1 ra trước Toà án nhân dân huyện B, tỉnh H để xét xử bị cáo về Tội cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Văn T1 phạm Tội cố ý gây thương tích.

Áp dụng: khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1,2 Điều 60, Điều 69, khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội và đề nghị xử phạt bị cáo Lý Văn T1 từ 1 năm 6 tháng tù đến 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 3 đến 4 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo, người bị hại và đại diện người bị hại.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, luật sư nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

*[1]*Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[I1] Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lý Văn T1 là bà Đặng Thị Đ1 vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có văn bản uỷ quyền cho chồng là ông Lý Kim C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vương Văn T2 vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ vào Điều 191 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

Phân tích chứng cứ xác định có tội: Xuất phát từ việc bị người bị hại Lừu Văn Q đánh mà bị cáo Lý Văn T1 dùng dao chém một nhát trúng vào phần lưng dưới bả vai bên phải, một nhát trúng vào phần thắt lưng bên trái và một nhát trúng vào khủy tay bên phải của Lừu Văn Q gây ra hậu quả cho người bị hại Lừu Văn Q bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 17%. Như vậy hành vi của bị cáo Lý Văn T1 đã cấu thành Tội cố ý gây thương tích theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Công cụ mà bị cáo Lý Văn T1 đã sử dụng để gây thương tích cho người bị hại Lừu Văn Q là dao thuộc trường hợp "Dùng hung khí nguy hiểm" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự, đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lý Văn T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

" Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm."

Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Lý Văn T1 là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến sức khoẻ của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Về các tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Lý Văn T1 không vi phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên toà ngày hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, người bị hại cũng có lỗi và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo mới 17 tuổi 4 tháng 21 ngày, đang ở độ tuổi là người chưa thành niên nên về thể chất cũng như tâm sinh lý chưa phát triển đầy đủ, trình độ nhận thức và kinh nghiệm sống vẫn còn bị hạn chế, khả năng tự kìm chế chưa cao nên dễ phạm tội, do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt bằng 3/4 so với người đã thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 69 và khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Hình sự và vận dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi cho bị cáo Lý Văn T1. Như vậy, đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo cùng người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bị hại cùng người đại diện hợp pháp của người bị hại đã thoả thuận được với nhau, theo đó bị cáo cùng đại diện gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, các bên đã thực hiện song việc bồi thường thiệt hại. Tại phiên toà, người bị hại cùng đại diện người bị hại và bị cáo vẫn giữ nguyên thoả thuận trên và đề nghị Toà án ghi nhận. HĐXX xét thấy, bị cáo và người bị hại cùng đại diện gia đình người bị hại thoả thuận về bồi thường thiệt hại là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thoả thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

Đánh giá về vật chứng và xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra và xét hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử xác định con dao bằng sắt, cán gỗ, dài 40cm, đã cũ mà cơ quan Công an thu giữ là vật chứng của vụ án thuộc sở hữu của anh Vương Văn T2 do bị cáo Lý Văn T1 tự ý sử dụng làm công cụ phạm tội. Trong quá trình điều tra anh Vương Văn T2 có ý kiến không lấy lại con dao vì không còn giá trị sử dụng, vì vậy cần tiêu huỷ.

Về án phí: Bị cáo Lý Văn T1 còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lý Văn T1 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng: Khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60, Điều 69, khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Xử phạt: Bị cáo Lý Văn T1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 10/8/2017).

Giao bị cáo Lý Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Công nhận bị cáo Lý Văn T1 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Lý Văn T1 phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại là cháu Lừu Văn Q với tổng số tiền là 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng), bị cáo Lý Văn T1 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Lý Văn T1 đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại Lừu Văn Q mà người đại diện là anh Lừu Văn B đã nhận tổng số tiền là 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, tịch thu tiêu huỷ 01 con dao bằng sắt, cán bằng gỗ, dài 40cm, đã cũ, bị han rỉ nhiều chỗ.

Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 07/7/2017

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội, điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo Lý Văn T1 phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, luật sư, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện B;
- Cơ quan Công an huyện B;
- Sở T3 pháp tỉnh H;
- UBND xã V, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng